

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Y HỌC**; Chuyên ngành: **CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ QUANG TRÍ**

2. Ngày tháng năm sinh: 18-01-1968; Nam ; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI;**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **SỐ 8, ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN, XÃ BÌNH HƯNG, HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH;**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **SỐ 8, ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN, XÃ BÌNH HƯNG, HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH;**

Điện thoại nhà riêng: **028.54297979**; Điện thoại di động: **0913126229**;

E-mail: **tsbstri@yahoo.com**;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9 năm 1986 đến tháng 9 năm 1992: học viên hệ đại học, Học viện Quân y/Bộ Quốc phòng;
- Từ tháng 9 năm 1992 đến tháng 6 năm 1995: Trung úy, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 7 năm 1995 đến tháng 6 năm 1998: Thượng úy, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 7 năm 1998 đến tháng 8 năm 2002: Đại úy, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 9 năm 2002 đến tháng 03 năm 2004: Thiếu tá, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 4 năm 2004 đến tháng 10 năm 2006: Thiếu tá, Trưởng Ban ngoại, Tiểu đoàn 31, Sư đoàn Bộ binh 5, Quân khu 7;
- Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 5 năm 2007: Thiếu tá, Bác sĩ điều trị, Bệnh viện Quân y 7B, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 6 năm 2007 đến tháng 7 năm 2007: Thiếu tá, Chủ nhiệm Khoa Khám và Ngoại khoa, Bệnh viện Quân dân y Miền Đông, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 8 năm 2007 đến tháng 7 năm 2011: Trung tá, Chủ nhiệm Khoa Khám và Ngoại khoa, Bệnh viện Quân dân y Miền Đông, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 8 năm 2013: Thượng tá, Phó Giám đốc kiêm Chủ nhiệm Khoa Khám và Ngoại khoa, Bệnh viện Quân dân y Miền Đông, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 7 năm 2014: Thượng tá, Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7;
- Từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 7 năm 2018: Đại tá, Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7.
- Từ tháng 8 năm 2018 đến nay: Đại tá NLL1, Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7.
- Thành viên Liên chi Hội phẫu thuật bàn tay Thành Phố Hồ Chí Minh (Quyết định số: 23/2016/HYH-QĐ-TC ngày 16 tháng 3 năm 2016).

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Thành viên Hội Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 45/2018/HYH-QĐ-TC ngày 03 tháng 7 năm 2018).

- Phó chủ tịch Hội phẫu thuật bàn tay Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 107/2019/HYH-QĐ-TC ngày 17 tháng 9 năm 2019)

Chức vụ: Hiện nay: **Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7;**

Chức vụ cao nhất đã qua: **Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A;**

Cơ quan công tác hiện nay: **Bệnh viện Quân y 7A, Cục Hậu cần, Quân khu 7;**

Địa chỉ cơ quan: **466 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;**

Điện thoại cơ quan: **(028) 39241868;**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Giảng dạy sau đại học, chuyên khoa II tại **Học viện Quân y – Phân hiệu II, Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch**, tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết và hướng dẫn đề tài tốt nghiệp bậc đại học **Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Đại học Tân Tạo, Trường Đại học Đà Nẵng.**

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 08 năm 1992; số văn bằng: A36071; ngành: Y, chuyên ngành: **BÁC SĨ ĐA KHOA**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **HỌC VIỆN QUÂN Y, VIỆT NAM**

- Được cấp bằng BSCKI ngày 18 tháng 02 năm 2002; số văn bằng: B04330; ngành: Y, chuyên ngành: **CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH**;

Nơi cấp bằng BSCKI (trường, nước): **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**;

- Được cấp bằng BSCKII ngày 22 tháng 12 năm 2008; số văn bằng: 001847; ngành: Y, chuyên ngành: **CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH**;

Nơi cấp bằng BSCKII (trường, nước): **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 05 năm 2015; số văn bằng: 004348; ngành: **Y**; chuyên ngành: **CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH VÀ TẠO HÌNH**;

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**;

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PHÓ GIÁO SƯ** tại HĐGS cơ sở: **HỌC VIỆN QUÂN Y**;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PHÓ GIÁO SƯ** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y HỌC**;

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: **Chấn thương chỉnh hình tạo hình và các nghiên cứu cơ bản về điều trị bệnh lý xương khớp**;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **08** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **03** cấp cơ sở Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (Chủ nhiệm đề tài), **01** đề tài cấp Bộ Quốc phòng (Chủ nhiệm đề tài) và **01** đề tài nhánh cấp quốc gia do trường đại học Nguyễn Tất Thành chủ trì (Chủ nhiệm đề tài nhánh);

- Đã công bố (số lượng) **44** bài báo KH, trong đó **11** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó **01** thuộc nhà xuất bản có uy tín thuộc nhà xuất bản Đại học Y Hà Nội và **01** sách xuất bản lưu hành nội bộ;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Quyết định số 2042/QĐ-CTN ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng **danh hiệu Thầy thuốc Nhân dân**;

- Quyết định số 1553/QĐ-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Quyết thắng giai đoạn

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2015 – 2020, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc;

- Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Ba (Số: 2511/QĐ-CTN ngày 28/12/2018 của Chủ tịch nước tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu, xây dựng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;

- Quyết định số 3160/QĐ-BTL ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 2017;

- Quyết định số 1955/QĐ-BQP ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quân;

- Quyết định số 1594/QĐ-BYT ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế tặng bằng khen đã có nhiều thành tích trong công tác Kết hợp quân dân y góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân và bộ đội giai đoạn 2005 – 2015;

- Quyết định số 1516/QĐ/TTg ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng khen đã có thành tích trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu từ năm 2008 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng lực lượng quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ Quốc;

- Quyết định số 1179/ QĐ-BTL ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen Đạt giải nhì sáng kiến Bàn phẫu thuật tư thế ngồi thư giãn trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật Quân khu lần thứ II năm 2011;

- Quyết định số 1361/QĐ-BQP ngày 29 tháng 04 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen về việc đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2008 và 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội củng cố Quốc phòng và bảo vệ tổ quốc;

- Quyết định số 208/QĐ/CTN ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng **danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú**.

- Quyết định số 737/BTL ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Tư Lệnh Quân khu 7 tặng bằng khen Sáng kiến khung cố định ngoài điều trị gãy liên mấu chuyên xương đùi;

- Quyết định số 579/QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Tư lệnh Quân khu 7 tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào NCKH, sáng kiến cải tiến kỹ thuật quân y giai đoạn (2006 – 2008);

16. Kỳ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Phẩm chất đạo đức: Tôi luôn tự học tập rèn luyện và phấn đấu vươn lên không ngừng về đạo đức, trình độ chuyên môn tác phong của người sỹ quan quân đội, bác sỹ và giảng viên. Luôn có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, thẳng thắn, trung thực. Có lối sống giản dị, gần gũi và tinh thần hợp tác tốt, giúp đỡ đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp, đồng môn và sinh viên. Không vi phạm bất cứ điều gì về tư cách đạo đức một sỹ quan quân đội, thầy thuốc và nhà giáo.

Về chuyên môn nghiệp vụ: Bản thân luôn chủ động, tích cực và nghiêm túc trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Luôn gương mẫu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tích cực và chủ động trong tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, chẩn đoán, điều trị chấn thương chỉnh hình cho trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch; trường Đại học Tân Tạo; trường Đại học Đà Nẵng, phân hiệu II của Học viện Quân Y; tham gia đảm bảo chất lượng, đổi mới chương trình đào tạo ngành Công nghệ Sinh học của trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Với cương vị Giám đốc Bệnh viện Quân y 7A, tôi luôn cùng đồng nghiệp xây dựng chuẩn năng lực của bác sĩ, điều dưỡng để nâng cao chất lượng chuyên môn, đưa Bệnh viện Quân y 7A ngày càng phát triển xứng tầm là bệnh viện tuyến cuối của Quân khu 7.

Trong công tác giảng dạy: Luôn xây dựng kế hoạch giảng dạy khoa học, đảm bảo theo đúng tiến độ của các trường đang cộng tác. Luôn nghiêm túc thực hiện lịch giảng; xây dựng bài giảng logic, khoa học và bám sát thực tiễn; áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lôi cuốn sinh viên; luôn dành thời gian để giải đáp thắc mắc cho sinh viên, lắng nghe phản hồi của sinh viên để xây dựng bài giảng tốt hơn. Luôn đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan và tích cực đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực trong thi và kiểm tra, thực hiện tốt đạo đức nghề nghiệp.

Trong vai trò là thành viên của các hội đồng chuyên ngành, hội đồng khoa học Bệnh viện Quân y 7A, các hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ, luận văn chuyên khoa II, thạc sĩ tôi luôn thực hiện chức trách nhiệm vụ một cách nghiêm túc và trách nhiệm.

Trong nhiệm vụ là giảng viên hướng dẫn học viên cao học và chuyên khoa II, tôi luôn tận tình giảng dạy, hướng dẫn giúp đỡ học viên một cách hiệu quả nhất.

Trong công tác nghiên cứu khoa học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện và cổ vũ, hướng dẫn, giúp đỡ các đồng nghiệp, sinh viên tham gia nghiên cứu và báo cáo khoa học tại các hội nghị trong và ngoài nước. Bản thân luôn tích cực tham gia nghiên cứu và báo cáo

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

khoa học tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành, nghiên cứu đề tài khoa học thuộc các cấp khác nhau.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 06 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			50 (Phùng Khắc Vũ-YKPNT) + 25 (Đoàn Thị Nhũ – HVQY)		90 (LT-NTT)		90/165/135 GTT: =90 GOĐ: 90 + 50 + 25 = 165
2	2016-2017			25 (Đoàn Thị Nhũ – HVQY) + 20 (Phùng Khắc Vũ-YKPNT)	8 (CT-HVQY)	105 (LT-NTT)	12 (LT-HVQY) + 54 (TH-HVQY)	171/197/135 GTT: 105 + 12 + 54 = 171 GOĐ: 25 + 20 + 8 + 105 + 12 + (54 x 0,5) = 197
3	2017-2018			25 (Nguyễn Văn Toàn - ĐH BK) và 50 (Vưu Bửu Long-HVQY)	8 (CT-HVQY) và 8 (CT-PNT)	105 (LT-NTT)	40 (TH-HVQY) + 14 (LT-PNT)	159/230/135 GTT: 105 + 40 + 14 = 159; GOĐ: 25 + 50 + 8 + 8 + 105 + (40 x 0,5) + 14 = 230
03 năm học cuối								
4	2018-2019			70 (Nguyễn Anh Tuấn – YKPNT)	8 (CT-PNT)	90 (LT-NTT) + 15 (LT-TT) + 14 (TH-TT)	14 (LT-PNT)	133/204/135 GTT: 90 + 15 + 14 + 14 = 133; GOĐ: 70 + 8 + 90 + 15 + (14 x 0,5) + 14 = 204.

5	2019-2020		70 (Vũ Thị Thanh Tâm – ĐHYD)	8 (CT-PNT) và 8 (CT-HVQY)	90 (LT-NTT) + 13 (LT-TT) + 16 (TT-TT)	14 (LT-PNT) + 12 (LT-HVQY) + 60 (TH-HVQY) + 12 (LT-ĐN) + 8 (TH-ĐN)	225/269/135 GTT: 90 + 13 + 16 + 14 + 12 + 60 + 12 + 8 = 225; GOĐ: 70 + 8 + 8 + 90 + 13 + (16 x 0,5) + 14 + 12 + (60 x 0,5) + 12 + (8x0,5) = 269
6	2020-2021		140 (Đỗ Ngọc Thành, Phan Hữu Hùng - YKPNT)	8 (CT-PNT) và 8 (CT-HVQY)	16 (LT-TT) + 12 (TH-TT)	14 (LT-PNT) + 12 (LT-HVQY) + 40 (TH-HVQY) + 12 (LT-ĐN) + 6 (TH-ĐN)	112/253/135 GTT: 14 + 12 + 40 + 16 + 12 + 12 + 6 = 112 GOĐ: 140 + 8 + 8 + 14 + 12 + (40 x 0,5) + 16 + (12 x 0,5) + 12 + (6 x 0,5) = 239

*Ghi chú:

GTT: Giờ giảng trực tiếp; GOĐ: Giờ quy đổi; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; CT: Chấm thi, chấm đề cương;

NTT: Giảng dạy tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

HVQY: Giảng dạy tại Phân hiệu II - Học viện Quân Y; 1 giờ TH = 0,5 giờ chuẩn;

YKPNT: Giảng dạy tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; 1 giờ TH = 0,5 giờ chuẩn.

ĐH BK: Giảng dạy tại Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia, TP. HCM;

TT: Giảng dạy tại Trường Đại học Tân Tạo; 1 giờ TH = 0,5 giờ chuẩn;

ĐN: Giảng dạy tại Khoa Y Dược Đại học Đà Nẵng; 1 giờ TH = 0,5 giờ chuẩn.

() - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Phenikaa, số bằng: 18/VB2-016; năm cấp: 2018

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Cử nhân ngôn ngữ Anh;

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đoàn Thị Nhù		CK2		x	2015-2017	HỌC VIỆN QUÂN Y (PHÂN HIỆU II)	Bằng tốt nghiệp Số: 3647/QĐ- HVQY ngày 23/10/2017
2	Phùng Khắc Vũ		CK2	x		2015-2017	TRƯỜNG ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Bằng tốt nghiệp Số: 1430/QĐ- TĐHYKPNT, ngày 19/4/2018.
3	Vưu Bửu Long		CK2	x		2016-2018	HỌC VIỆN QUÂN Y (PHÂN HIỆU II)	Bằng tốt nghiệp Số: 3768/QĐ- HVQY ngày 17/10/2018
4	Nguyễn Văn Toàn		ThS		x	2013-2018	TRƯỜNG ĐH BÁCH KHOA, ĐHQG TP.HCM	Bằng tốt nghiệp 2018/ số hiệu: QH092018000 15
5	Nguyễn Anh Tuấn		CK2	x		2017-2019	TRƯỜNG ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa II Số 954/QĐ- TĐHYKPNT

6	Vũ Thị Thanh Tâm		ThS	x		2018 - 2020	TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC TP.HCM	Bằng tốt nghiệp số: 524/2020/ThS/ĐHYD
7	Phan Hữu Hùng		CK2	x		2018 - 2021	TRƯỜNG ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời số: 1106/GCN-TĐĐHYKPNT ngày 17/6/2021
8	Đỗ Ngọc Thành		CK2	x		2018 - 2021	TRƯỜNG ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 1698/QĐ-TĐĐHYKPNT ngày 16/4/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Giải phẫu và sinh lý học người căn bản	GT	Đại học Quốc gia Hà Nội 2021	06	x	43 – 89; 103 – 120.	Quyết định số: 626/QĐ-NTT ngày 17/5/2021
2	Phương pháp nghiên cứu y học cơ bản	GT	Xuất bản và lưu hành nội bộ	07	x	15 – 21; 23 – 40; 69 – 80; 81 – 92.	Quyết định số: 625/QĐ-NTT ngày 17/5/2021
II	Sau khi được công nhận TS						
1							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Đề tài: “Nghiên cứu Quy trình nuôi cấy tế bào trên nền màng polymer sinh học PHB” thuộc đề tài độc lập cấp Nhà nước “Nghiên cứu tạo màng Polymer sinh học từ chủng vi khuẩn <i>E. coli</i> tái tổ hợp và bước đầu thử nghiệm làm giá đỡ nuôi cấy mô trong y dược”	Chủ nhiệm đề tài nhánh	Đề tài độc lập Cấp Nhà nước mã số 2012.G/35	3 tháng (5/2015 - 8/2015)	01/09/2015 Đạt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chế tạo khung cố định ngoài đầu trên xương đùi bằng vật liệu composite cacbon	Chủ nhiệm	Số:300/2018/HĐ-NCKHCN Cấp Bộ Quốc phòng	24 tháng (02/2018-01/2020)	06/12/2019 Đạt
2	Một số đặc điểm giải phẫu học đầu trên xương đùi ở người Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	9 tháng (01/2017-09/2017)	29/09/2017 Đạt
3	Tính toán độ bền mô phỏng khung cố định ngoài vùng máu chuyển xương đùi	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	12 tháng (07/2017-06/2018)	28/6/2018 Đạt
4	Đánh giá kết quả điều trị gãy liên máu chuyển xương đùi trên bệnh nhân lớn tuổi	Chủ nhiệm	Đề tài cấp cơ sở Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	9 tháng (10/2018-06/2019)	02/7/2019 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu ứng dụng bất động ngoài tự chế trong điều trị gãy liên mấu chuyển người cao tuổi	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:0686-3174			Tập 292, Số đặc biệt tháng 10, 319-324	2003
2	Điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi người cao tuổi bằng khung cố định ngoài dưới màn tăng sáng.	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			Tập 12, Số 4, 1-9	2008
3	Điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi người già bằng khung cố định ngoài Composit	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 37, Số 2, 326-331	2010
4	Một số đặc điểm giải phẫu học đầu trên xương đùi ở người Việt Nam.	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 7, Số 5, 48-55	2012
II	Sau khi được công nhận TS							
5	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật thay khớp háng của gây tê thần kinh đùi liên tục.	4 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 11, Số đặc biệt tháng 5 20 - 27	2016

6	Đánh giá bước đầu kết quả thay khớp gối toàn phần tại các bệnh viện Quân khu 7.	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 11, Số đặc biệt tháng 5, 28-32	2016
7	Nhận xét kết quả ứng dụng vật da hình đảo cuống liền dựa trên nhánh động mạch da trực tiếp vùng mu bàn tay để che phủ tổn thương khuyết da ngón tay	6 (tác giả đứng thứ năm)		Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024			Số 9, 89-94	2017
8	Đánh giá kết quả điều trị khuyết hồng phần mềm bàn tay bằng vật ben có cuống mạch liền	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024			Số 9 – tháng 3/2017, 20-25	2017
9	Đánh giá hiệu quả gây tê thần kinh đùi – hông to dưới hướng dẫn của máy kích thích thần kinh trong phẫu thuật vùng cẳng chân.	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 47-54	2018
10	Hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật thay khớp háng và khớp gối khi gây tê ngoài màng cứng liên tục bằng hỗn hợp Levobupivacaine-Fentanyl	6 (tác giả đứng thứ hai)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 55 - 60	2018

11	Đánh giá vai trò phục hồi chức năng sau kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi người trên 60 tuổi bằng khung cố định ngoài.	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 99 - 105	2018
12	Đánh giá kết quả điều trị gãy xương đốt bàn tay và đốt ngón tay bằng kết xương nẹp vít tại Bệnh viện Quân y 7A.	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 13, Số đặc biệt tháng 5, 124 - 129	2018
13	Đánh giá kết quả điều trị mắt vưng đốt sống thắt lưng bằng phẫu thuật Gill kết hợp hàn liên thân đốt tại Bệnh viện Quân y 7A.	2 (tác giả đứng đầu)	x	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 5/2019, 1 - 5	2019
14	Ứng dụng laser bán dẫn công suất thấp trong điều trị đau khớp gối.	2 (tác giả đứng đầu)	x	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 5/2019, 53 - 57	2019
15	Điều trị gãy hở đầu dưới xương đùi thẩu khớp trong cấp cứu bằng nẹp khóa nén ép.	4 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024			Số đặc biệt 12/2019, 05-13	2019

16	Đánh giá hiệu quả của Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng trong điều trị người bệnh viêm quanh khớp vai thể đơn thuần tại Bệnh viện Quân y 7A.	3 (tác giả đứng thứ hai)		Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024			Số đặc biệt 12/2019, 23-31	2019
17	Đánh giá kết quả điều trị gãy liên mấu chuyển xương đùi bằng đinh Gamma 3 tại Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình.	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược thực hành 175 ISSN: 2354-1024			Số đặc biệt 12/2019, 85-92	2019
18	Đánh giá kết quả điều trị 65 bệnh nhân gãy xương hàm dưới, tại bệnh viện quân y 7A.	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y học Quân sự ISSN: 1859 - 1655			Số 340, 31-33	2019
19	Báo cáo kết quả 5 trường hợp phẫu thuật u tủy sống đoạn ngực – lưng tại Bệnh viện Quân y 7A	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam ISSN: 1859 - 4794			Tập 62, Số 5 tháng 5, 22 - 25	2020
20	Đánh giá kết quả hàn thân đốt sống theo kỹ thuật đơn giản trên 5 bệnh nhân mất vững cột sống vùng chẩm cổ	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)		Tạp chí Y học Quân sự ISSN: 1859 - 1655			Số 342- 2/2020, 38-41	2020
21	Giá trị của cộng hưởng từ 3.0 Tesla trong chẩn đoán rách sụn viền khớp vai	2 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 1-6	2020

22	Đặc điểm tổn thương thần kinh giữa bằng chẩn đoán điện thần kinh cơ ở bệnh nhân có hội chứng ống cổ tay tại Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 45-51	2020
23	Đánh giá hiệu quả của Sodium Hyaluronate tiêm nội khớp trong điều trị thoái hoá khớp gối	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 51-56	2020
24	Đánh giá hiệu quả điều trị đau thắt lưng do thoát vị đĩa đệm bằng một số phương pháp vật lý trị liệu tại Bệnh viện Quân y 7A	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 57-62	2020
25	Đánh giá tình trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh tại Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 77-83	2020
26	Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay bằng nẹp khóa đa hướng	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 84-91	2020
27	Đánh giá kết quả điều trị trượt đốt sống thắt lưng bằng phẫu thuật hàn xương liên	2 (tác giả đứng cuối + liên hệ)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 98-103	2020

	thân đốt qua lỗ liên hợp tại Bệnh viện Quân y 7A							
28	Đánh giá kết quả điều trị hội chứng ngón tay bất bằng kỹ thuật phẫu thuật qua da tại Bệnh viện Quân y 7A	1 (tác giả đứng đầu + liên hệ)	x	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, số tháng 2/2020, 107 - 111	2020
29	Đánh giá hiệu quả gây tê tùy sống bằng Bupivacaine 0,5% kết hợp morphin trong phẫu thuật chi dưới	3 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			Tập 15, Số đặc biệt 5/2020, 141-149	2020
30	Biến chứng hoại tử chỏm sau phẫu thuật gãy 3-4 mảnh đầu trên xương cánh tay bằng mổ kết hợp xương	2 (tác giả đứng cuối)		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			Tập 25, Số 2, 13 - 17	2021
31	Đánh giá kết quả điều trị gãy đầu dưới xương quay loại C bằng nẹp khóa đa hướng	2 (tác giả đứng đầu)	x	Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			Tập 25, Số 2, 18 - 22	2021
32	Thực trạng nhiễm khuẩn vết mổ ở người bệnh sau phẫu thuật tại khoa Chấn thương Chỉnh hình tại Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Y học Thành phố Hồ Chí Minh ISSN 1859-1779			Tập 25, Số 2, 23 - 28	2021

33	So sánh hiệu quả gây tê đám rối thần kinh cánh tay đường trên đòn dưới hướng dẫn siêu âm với máy kích thích thần kinh cơ cho phẫu thuật chi trên tại Bệnh viện Quân y 7A	2 (tác giả đứng cuối)		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872		Tập 16, Số đặc biệt 4/2021 534 - 541	2021
34	A suitable protocol to prepare decellularized porcine vessel for cardiovascular surgery	7 (tác giả đứng thứ 5)		7th International Conference on the Development of Biomedical Engineering in Vietnam (BME7)	SCOPUS	Vol 69, 169-174	2017
35	The engineering of porous silica and hollow silica nanoparticles to enhance drug-loading capacity	11 (tác giả đứng thứ 10)		Processes ISSN 2227-9717	SCOPUS (Q2, H-Index 28)	Vol 7, No 11, 1 - 11	2019
36	Biological activities and chemical constituents of essential oils from <i>Piper cubeba</i> Bojer and <i>Piper nigrum</i> L.	5 (tác giả đứng cuối)		Molecules ISSN: 1420-3049	SCOPUS (Q1, H-index 149)	Vol 24, No 10, 1876-1892	2019



37	Early results of long stem bipolar cementless heriarthoplasty for the treatment of unstable intertrochanteric fractures in elderly patients	2 (tác giả đứng đầu +liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, issue 103, 981-988	2020
38	Evaluation of initial treatment of trochanteric fractures using Gamma nails	2 (tác giả đứng đầu +liên hệ)	x	International Archives of Medicine ISSN: 1755-7682	H-Index 26		Vol 13, No 3, 1-6	2020
39	Treatment of intertrochanteric fractures in elderly patients using Dynamic Hip Screw	2 (tác giả đứng đầu +liên hệ)	x	Medical Science ISSN: 2321 – 7359 EISSN: 2321 – 7367	ESCI		Vol 24, issue 102, 912-921	2020
40	A description of bone density of osteoporosis patients with femoral neck fracture	2 (tác giả đứng đầu +liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-663X	ESCI		1-5	2020
41	Assessment of Anterior Cruciate Ligament (ACL) arthroscopic reconstruction using gracilis and semitendinosus tendon autograft	2 (tác giả đứng đầu +liên hệ)	x	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-663X	ESCI		1-5	2020
42	An assessment of the nurses ' knowledge and practices of inpatient fall prevention	3 (tác giả đứng cuối +liên hệ)		International Archives of Medicine ISSN: 1755-7682	H-Index 26		Vol 13, No 6, 1-6	2020

43	Effectiveness in the treatment of Intertrochanteric Fracture in Geriatric Patients by a novel prototype carbon composite external fixator	1 (tác giả đứng đầu)	x	Medicinski Arhiv Medical Archives ISSN: 0350-199X	Q3 H-Index 24	Vol 75, No 2, 122 - 132	2021
44	Designing composite external fixator for intertrochanteric fracture trea	2 (tác giả đứng đầu)	x	Russian Open Medical Journal ISSN: 2304 - 3415	Q4 H-Index 8	Vol 10, Issue 2, 1-6	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Khóa 2020 của Khoa Công nghệ sinh học	Tham gia	Quyết định số: 187/QĐ-NTT	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	12/5/2020	
2	Thành lập Tổ Biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo ngành Công nghệ Sinh học năm học 2020 - 2021	Tham gia	Quyết định số: 434/QĐ-NTT	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	09/7/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố, Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Quang Trí